

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Phạm Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Thi Lê Dung

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 672/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bi đơn: Ông Bùi Trung S, sinh năm 1973

Địa chỉ cư trú: phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ngày 14/6/2018, bản tự khai và quá trình làm việc tại tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị G trình bày:

Bà và ông Bùi Trung S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 và không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, bà và ông S chung sống khá hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Bùi Đức Trường, sinh ngày 11/02/2003 nhưng từ khi có con vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn trong việc chăm sóc con chung. Bản thân bà G cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Bà và ông S cũng đã sống ly thân từ năm 2007 khi ông S đi hợp tác lao động tại Nhật và khi ông S về thì hai vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân từ đó đến nay. Bà G xác định vợ chồng sống không hạnh phúc, hiện nay bà không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu Tòa giải

quyết cho ly hôn với ông S và đề nghị Tòa không công nhận bà và ông S là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Bùi Đức Trường, sinh ngày 11/02/2003. Bà G có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trường và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu toà giải quyết.

Ngoài ra bà G không có yêu cầu nào khác.

- Tại bản tự khai ngày 17/7/2018, các lần làm việc tại Tòa và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, ông S trình bày:

Ông và bà G tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 và không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không có sự cảm thông với nhau nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông và bà G sống ly thân từ năm 2007 khi ông đi hợp tác lao động tại Nhật và khi ông về thì hai vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân từ đó đến nay. Nay theo yêu cầu ly hôn của bà G, ông đồng ý và đề nghị Tòa không công nhận quan hệ giữa ông S và bà G là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông S và bà G có 01 (một) con chung tên Bùi Đức Trường, sinh ngày 11/02/2003. Ông S nhường quyền trực tiếp nuôi con cho bà G và ông S không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Ông S không yêu cầu toà giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật cho thấy ông S và bà G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, hiện nay đã sống ly thân. Bà G yêu cầu ly hôn và ông S đồng ý. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của bà S và tuyên không công nhận ông S và bà G là vợ chồng.

Về con chung: Bà G và ông S có 01 (một) con chung tên Bùi Đức Trường, sinh ngày 11/02/2003. Để đảm bảo nuôi dạy chăm sóc con tốt nhất thì việc giao cháu Trường cho bà G nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Trường và ông S cũng đồng ý để bà G trực tiếp nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng nuôi con: Ông S và bà G không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà G có đơn khởi kiện “Ly hôn” với ông S, có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bà G mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy bà G có đơn xin giải quyết vắng mặt và việc vắng mặt của bà G không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ quy định pháp luật Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt bà G.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà G tự nguyện chung sống với nhau năm 2001, không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông S không được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà G yêu cầu giải quyết ly hôn và không công nhận quan hệ giữa bà với ông S là vợ chồng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 thì việc chung sống giữa bà G và ông S không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...” Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà G và ông S là quan hệ vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà G và ông S có 01 con chung tên Bùi Đức Trường, sinh ngày 11/02/2003. Cháu Trường đã đủ tuổi theo quy định pháp luật được nêu quan điểm, ý kiến về việc có nguyện vọng ở với ai khi bố mẹ ly hôn. Cháu Trường thống nhất với ý kiến của bố mẹ về việc nuôi con, cụ thể: Bà G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trường. Hai bên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. .

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà G và ông S không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà G phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Phạm Thị G và ông Bùi Trung S là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: 01 con chung là Bùi Đức Trường, sinh ngày 11/02/2003. Bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trường. Việc thống nhất về nuôi con của ông S và bà G phù hợp với nguyện vọng của con.

Ông S có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu Tòa giải quyết

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị G nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003474 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà G đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Mai